

Số: /TTr-STP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác
Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

a) Về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Căn cứ khoản 3 Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 quy định:

“Điều 66. Cơ sở dữ liệu công chứng

3. Cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương bao gồm thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản, các thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng, thông tin về giao dịch đã được công chứng, văn bản công chứng và tài liệu liên quan trong hồ sơ công chứng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương; ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương.”

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng quy định:

- “Điều 3. Tổ chức thực hiện

...2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo việc cập nhật, kiểm tra, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu công chứng tại địa phương.”

- “Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương được xây dựng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng theo

quy định của Luật Công chứng số 46/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đến ngày Cơ sở dữ liệu công chứng quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết này được xây dựng, đưa vào vận hành, sử dụng chính thức và các dữ liệu cần thiết trong Cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương đã được đồng bộ đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu công chứng này theo quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, theo khoản 16 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16 (sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027) quy định sửa đổi Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 như sau:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 66 như sau:

“Điều 66. Cơ sở dữ liệu công chứng

...2. Cơ sở dữ liệu công chứng phải được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập, cung cấp thông tin để đưa vào cơ sở dữ liệu công chứng và khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan về bảo mật thông tin về nội dung công chứng, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu công chứng với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương và các cơ sở dữ liệu khác phải bảo đảm hiệu quả, an toàn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ sở dữ liệu công chứng được quản lý tập trung và được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý nhà nước về công chứng của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Bộ Tư pháp có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi cả nước.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng trong phạm vi cả nước...””.

Và tại khoản 5 Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16 quy định chuyển tiếp như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

5. Cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương được xây dựng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của Luật Công chứng số 46/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 106/2025/QH15 cho đến ngày cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng theo quy định của Luật này được đưa vào vận hành, sử dụng và các dữ liệu cần thiết đã được đồng bộ đầy đủ, chính xác vào cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng theo quy định của Luật này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc cập nhật, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu công chứng đã có tại địa phương trong thời gian xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật này; chỉ đạo việc kết nối, tích hợp các dữ liệu công chứng tại địa phương với cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật này bảo đảm kịp thời, an toàn, đầy đủ, chính xác”.

Liên quan đến thông tin giao dịch chứng thực, căn cứ điểm d Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP quy định:

“Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi địa phương, đáp ứng yêu cầu cung cấp và trao đổi thông tin;”.

b) Về chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng trước sáp nhập:

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 355/UBND-NCPC chỉ đạo:

“1. Chấp thuận sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng và các phần mềm dùng trong hoạt động công chứng của Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp nhập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025”.

Căn cứ quy định pháp luật, Sở Tư pháp đã trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 về bãi bỏ Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy chế khai thác, sử dụng và quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Do đó, nội dung trình ban hành Quyết định này của Sở Tư pháp không phát sinh việc xử lý các văn bản quy phạm pháp luật cũ có liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng tại tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trước sáp nhập.

c) Về chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại mục 2 Công văn số 355/UBND-NCPC ngày 21 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân Thành phố có chỉ đạo: ***“2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế cung cấp thông tin, khai thác, sử***

dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật”.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 4643/UBND-NCPC chấp thuận đề nghị xây dựng Quyết định ban hành Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của Thành phố Hồ Chí Minh (căn cứ theo khoản 3 Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15).

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, Sở Tư pháp có Công văn số 3147/STP-BTTP báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố việc gia hạn thời gian xây dựng văn bản quy phạm pháp luật vì Luật Công chứng chứng số 46/2024/QH15 đang được Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung; đồng thời, Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng. Ngày 07 tháng 4 năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 2786/UBND-NCPC về việc đồng ý gia hạn thời gian xây dựng Quyết định theo báo cáo tại Công văn số 3147/STP-BTTP của Sở Tư pháp.

Như vậy, quan điểm xuyên suốt của Ủy ban nhân dân Thành phố trong thời gian qua là ban hành văn bản quy phạm pháp luật để chỉ đạo thực hiện thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

... 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

... c) Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.”

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền quyết định ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ các quy định pháp luật nêu trên, Sở Tư pháp báo cáo việc có cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn:

a) Hoạt động chứng thực giao dịch tại các Ủy ban nhân dân cấp xã chưa được chuyển giao thẩm quyền:

Trước đây (từ năm 2011 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2025), Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp nhập đã thực hiện chuyển giao toàn bộ thẩm quyền chứng

thực giao dịch của địa phương sang tổ chức hành nghề công chứng nên Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp nhập chưa có nội dung điều chỉnh mối quan hệ cấp nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa công chứng và chứng thực giao dịch.

Sau sáp nhập, thực hiện Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, 56/168 địa bàn cấp xã chưa đủ điều kiện thực hiện chuyển giao và đã phát sinh hồ sơ chứng thực giao dịch.

Nhằm ngăn chặn các rủi ro pháp lý như tình trạng một tài sản bị giao dịch trùng lặp hoặc đối tượng xấu sử dụng giấy tờ giả, văn bản hết hiệu lực để lừa đảo, Sở Tư pháp đã chủ động triển khai việc sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, Chương trình thông tin ngăn chặn và Phần mềm quản lý hồ sơ công chứng đến 56 Ủy ban nhân dân cấp xã. Các dữ liệu chứng thực giao dịch phát sinh đang được Sở Tư pháp cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh để các cơ quan, đơn vị tra cứu.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chứng thực vừa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, đồng thời để thực hiện quy định tại điểm d Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP:

“Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi địa phương, đáp ứng yêu cầu cung cấp và trao đổi thông tin;”.

Tuy nhiên hiện nay Thành phố vẫn chưa có văn bản quy phạm quy định chi tiết, cụ thể quyền, trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức có liên quan và việc chia sẻ, trao đổi thông tin nên việc thực hiện quy định trên của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung vẫn chưa thật sự phát huy hết hiệu quả.

b) Về sự phát triển năng động và yêu cầu quản trị dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh:

Là đô thị đặc biệt và trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng giao dịch dân sự, kinh tế, bất động sản... giá trị lớn phát sinh nhiều, liên tục. Đi đôi với sự phát triển này là diễn biến tội phạm sử dụng công nghệ cao, hành vi giả mạo hồ sơ, giấy tờ nhân thân, chủ thể và các loại giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản ngày càng tinh vi. Thực tế đã ghi nhận nhiều hành vi lừa đảo chuyển nhượng cùng một tài sản cho nhiều người, cố tình giao dịch tẩu tán tài sản đang bị ngăn chặn, phong tỏa hoặc sử dụng văn bản công chứng giả để đăng ký biến động đất đai... Trước tình hình này, Ủy ban nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh đã và đang đẩy mạnh việc tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu công chứng vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Tại khoản 5 Điều 5 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố cũng quy định:

“5. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định của pháp luật; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông tin qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác”.

Đặc biệt, theo quy định tại Mục 5 và điểm c khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 thì Ủy ban nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung bảo đảm liên thông, kết nối và quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số.

Tuy nhiên đến nay, Thành phố vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc chuyển dữ liệu công chứng, chứng thực giao dịch vào Cơ sở dữ liệu dùng chung, cũng như cơ chế khai thác, sử dụng nguồn dữ liệu này. Do đó, việc ban hành quy định để hoàn thiện hành lang pháp lý địa phương là cần thiết, góp phần phục vụ cho sự phát triển của Thành phố.

c) Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với Cơ sở dữ liệu công chứng tại địa phương:

Căn cứ các cơ sở pháp lý nêu tại mục I.1.a, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo quản lý, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng hiện có, đồng thời tổ chức kết nối, tích hợp dữ liệu này vào Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung của Bộ Tư pháp. Cơ sở dữ liệu công chứng của Thành phố (gồm thông tin có trong Chương trình thông tin ngăn chặn và Phần mềm quản lý hồ sơ công chứng) được xây dựng từ năm 2007, hiện đang lưu trữ một lượng thông tin rất lớn với khoảng 23 triệu giao dịch và gần 210.000 thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro (tính tổng 03 tỉnh/thành phố trước sáp nhập). Đây là nguồn dữ liệu cốt lõi, phục vụ đắc lực cho hoạt động hành nghề và quản lý nhà nước nếu được duy trì, chia sẻ vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Theo lộ trình nêu tại Công văn số 4676/BTP-BTTP ngày 25 ngày 6 năm 2026 của Bộ Tư pháp, việc chuẩn hóa, số hóa và tích hợp dữ liệu từ địa phương về trung ương được thực hiện theo 4 giai đoạn từ tháng 7 năm 2026 đến hết năm 2027. Đến nay, cơ sở dữ liệu công chứng của các địa phương vẫn chưa được đồng bộ đầy đủ, chính xác vào Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung do Bộ Tư pháp xây dựng. Theo đó, cơ sở dữ liệu công chứng của Thành phố vẫn cần được tiếp tục

quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của Luật Công chứng số 46/2024/QH15 và Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP của Chính phủ trong nhiều năm tới để tiếp tục cập nhật thông tin mới về công chứng và chứng thực giao dịch ở cấp xã. Như vậy, việc ban hành văn bản chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân Thành phố để tổ chức thực hiện thống nhất, xuyên suốt trên địa bàn Thành phố là cần thiết.

Từ các phân tích và quy định pháp luật nêu trên, Sở Tư pháp báo cáo việc xây dựng Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh theo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là có cơ sở pháp lý, cần thiết và mang tính chiến lược, góp phần phục vụ cho sự phát triển của Thành phố xuất phát từ ba lý do sau:

Thứ nhất, tạo cơ sở pháp lý cho việc chia sẻ, sử dụng thông tin công chứng, chứng thực giao dịch giữa các tổ chức hành nghề công chứng với một số địa bàn cấp xã còn thẩm quyền chứng thực giao dịch. Việc chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực là giải pháp tối ưu để ngăn chặn tình trạng một tài sản bị giao dịch trùng lặp và hỗ trợ phát hiện các hành vi sử dụng giấy tờ giả mạo, văn bản hết hiệu lực để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực giao dịch; từ đó, góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch của cá nhân, tổ chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ hai, đây là bước hiện thực hóa thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16, cụ thể là tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trong xu hướng xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung bảo đảm liên thông, kết nối và quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này sẽ xác lập rõ ràng quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc làm sạch, cập nhật và khai thác dữ liệu, đưa Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực thành một bộ phận cấu thành, phát huy tối đa giá trị trong Hệ sinh thái dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba, về mặt bảo đảm lộ trình chuyển đổi số của Bộ Tư pháp: trong bối cảnh Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16 sắp có hiệu lực và lộ trình tích hợp dữ liệu của Bộ Tư pháp kéo dài đến năm 2027 và có thể kéo dài hơn, Quyết định này là công cụ chỉ đạo thống nhất để Thành phố duy trì, vận hành và chuẩn hóa kho dữ liệu không lồ với hơn 21 triệu giao dịch hiện có. Đây là bước chuẩn bị kỹ lưỡng để Thành phố vừa phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương, vừa sẵn sàng kết nối, tích hợp thông suốt với Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung của Bộ Tư pháp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Là cơ sở pháp lý để việc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định, tăng cường an toàn trong hoạt động công chứng, chứng thực giao dịch, bảo vệ người dân, góp

phần cải cách hành chính và phục vụ các mục tiêu phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Nội dung của văn bản phải đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật.

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp chặt chẽ, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo trách nhiệm.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Sau khi có ý kiến chấp thuận gia hạn thời gian xây dựng Quyết định tại Công văn số 2786/UBND-NCPC ngày 07 tháng 4 năm 2026, Sở Tư pháp tiếp tục theo dõi việc xây dựng dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Công chứng (sửa đổi); đã nghiên cứu thực tiễn địa phương, tổ chức rà soát quy định pháp luật có liên quan để xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy chế.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng Dự thảo, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số/STP-BTTP ngày ... tháng ... năm 2026 lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ trình văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh đó, nội dung và tài liệu kèm theo Công văn được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp để lấy ý kiến góp ý của Nhân dân.

Cùng ngày, Sở Tư pháp ban hành Công văn số/STP-BTTP đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp đăng tải hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành Quy định trên Cổng thông tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Sở Tư pháp đã đăng tin truyền thông dự thảo Quyết định tại Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Tính đến ngày ... tháng ... năm 2026, Sở Tư pháp đã nhận được ý kiến góp ý của ... cơ quan, đơn vị...

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

(Xem nội dung Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình kèm)

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác thông tin, văn bản, hồ sơ công chứng; thông tin chứng thực giao dịch; thông tin về biện pháp ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực) tại Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đối tượng tác động:

- Tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ủy ban nhân dân cấp xã chưa chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực), người có thẩm quyền chứng thực giao dịch, công chức giúp việc chứng thực giao dịch (nếu có phân công).

- Tổ chức, cá nhân đề nghị ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro liên quan đến giao dịch thuộc thẩm quyền công chứng, chứng thực của tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực;

- Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Gồm 02 phần:

- Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung cơ bản

a) Phần Quyết định:

- Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2027 (*Sở Tư pháp đề xuất Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, cùng thời điểm có hiệu lực Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16 hoặc có thể sau thời điểm này*).

- Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương, Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

b) Phần Quy chế:

- Chương I. Quy định chung

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

+ Điều 2. Giải thích từ ngữ.

+ Điều 3. Nguyên tắc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

- + Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm.
- Chương II. Cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.
- + Điều 5. Gửi, cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và cảnh báo rủi ro.
- + Điều 6. Cập nhật thông tin về giao dịch được công chứng, chứng thực và hồ sơ, văn bản công chứng.
- + Điều 7. Chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.
- + Điều 8. Chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.
- + Điều 9. Quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Chương III. Tổ chức thực hiện.
- + Điều 10 - 20: giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị.
- + Điều 21. Xử lý vi phạm.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Không

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về nhân lực

Các nội dung quy định nêu trên khi được ban hành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy trong tổ chức thi hành Quyết định.

2. Về kinh phí

a) Dự kiến nguồn lực để thi hành Quyết định:

Sử dụng nguồn kinh phí được bố trí cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật về ngân sách (không làm phát sinh thêm chi phí khác); nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Quyết định:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thông tin tuyên truyền, phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Quyết định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người dân, giúp hiểu biết nắm pháp luật kịp thời để thực hiện; tập trung nguồn lực, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện bảo đảm việc thực hiện Quyết định có hiệu lực, hiệu quả.

3. Dự kiến thời gian trình ban hành: trong tháng 11 năm 2026.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp xin kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định ban hành Quy định; ...).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND TP;
- Lưu: VT, BTTP/Loc.

GIÁM ĐỐC

Số: /202.../QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202...

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2026/QH16;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 331/2026/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số/TTr-STP ngày ... tháng ... năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2027.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương, Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND TP; CT, các PCT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- VP UB: CVP/PCVP;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Hội Công chứng viên Thành phố;
- Phòng KTVB - Sở Tư pháp;
- Phòng NCPC.....;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

.....

QUY CHẾ

**Cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/202.../QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác thông tin, văn bản, hồ sơ công chứng; thông tin chứng thực giao dịch; thông tin về biện pháp ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực) tại Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chưa chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực), người có thẩm quyền chứng thực giao dịch, công chức giúp việc chứng thực giao dịch (nếu có phân công).

c) Tổ chức, cá nhân đề nghị ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro liên quan đến giao dịch thuộc thẩm quyền công chứng, chứng thực của tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực;

d) Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ngăn chặn* là việc tổ chức, chức danh có thẩm quyền, trong trường hợp pháp luật quy định, có văn bản ngừng hoặc hạn chế giao dịch liên quan đến tài sản, cá nhân, tổ chức.

2. *Giải tỏa ngăn chặn* là việc tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn có văn bản hủy bỏ, chấm dứt việc ngăn chặn của chính tổ chức, chức danh đó hoặc của tổ chức, chức danh có thẩm quyền khác trong trường hợp pháp luật có quy định.

3. *Bản chính văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn* là bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật hoặc thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật, có nội dung ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn.

4. *Cảnh báo rủi ro* là thông tin không phải là thông tin về biện pháp ngăn chặn, trong các trường hợp được nêu tại Quy chế này, do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp bằng văn bản, có ý nghĩa cảnh báo để công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch xem xét, xác minh trước khi thực hiện công chứng, chứng thực.

5. *Phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh* là phần mềm sử dụng tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực và Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực, có kết nối để chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định.

6. *Nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh* là nền tảng công chứng điện tử sử dụng tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, có kết nối để chuyển dữ liệu về Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực của Thành phố, Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định.

7. *Tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn theo quy định pháp luật* là Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Cơ quan thi hành án dân sự, Cơ quan thi hành án hình sự, Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, Người ra quyết định thanh tra, Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Hội đồng trọng tài thương mại, Thừa hành viên và tổ chức, chức danh khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

8. *Chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực* là việc các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố Hồ Chí Minh được kết nối, phân quyền khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung

của Thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý, kết nối và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu dùng chung.

9. *Khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực* là việc tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, nhân viên tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và công chức, viên chức Sở Tư pháp Thành phố tra cứu thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực để phục vụ cho việc công chứng, chứng thực, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực

1. Thông tin về giao dịch được công chứng phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục; hồ sơ, văn bản công chứng phải được đưa đủ, kịp thời vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về giao dịch được chứng thực phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Việc chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Tổ chức, cá nhân cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực chỉ sử dụng dữ liệu để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước hoặc việc thực hiện công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật.

5. Việc khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực không thay thế trách nhiệm kiểm tra, xác minh, tra cứu các cơ sở dữ liệu khác của công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch.

6. Cá nhân, tổ chức yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn, hợp pháp và kịp thời đối với yêu cầu của mình và hệ quả xảy ra do yêu cầu của mình.

7. Thông tin về giao dịch, hồ sơ, văn bản công chứng, thông tin về giao dịch được chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả thông tin về tạo lập, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt, đơn phương chấm dứt, vô hiệu, sửa lỗi kỹ thuật phải trung thực, chính xác với hồ sơ công chứng, chứng thực gốc.

8. Thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh phải đúng với văn bản yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn.

9. Cá nhân, tổ chức được cấp tài khoản để cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp đối với Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Truy cập vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh bằng tài khoản của người khác.

2. Để cho người khác sử dụng tài khoản của mình truy cập vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Truy cập vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện công việc không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình.

4. Sửa đổi, thay thế, xóa bỏ thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực sai với tài liệu gốc, thay đổi cấu trúc dữ liệu, thay đổi giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị hay hành vi khác trái thẩm quyền tác động đến hoạt động của phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Không cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ, kịp thời dữ liệu công chứng, chứng thực vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tiết lộ trái pháp luật thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và thông tin khác mà mình biết được trong quá trình cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực.

7. Sử dụng thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực cho mục đích trái pháp luật hoặc mục đích khác với quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

8. Những hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định pháp luật.

Chương II

CẬP NHẬT, QUẢN LÝ, CHIA SẺ, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC

Điều 5. Gửi, cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và cảnh báo rủi ro

1. Tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn theo quy định pháp luật gửi bản chính văn bản ngăn chặn, cảnh báo rủi ro đến Trung

tâm Thông tin và Tư vấn công chứng trực thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Khi không còn yêu cầu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, tổ chức, chức danh đã gửi văn bản ngăn chặn, cảnh báo rủi ro theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi bản chính văn bản giải tỏa ngăn chặn, chấm dứt cảnh báo rủi ro đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, đăng ký đất đai, cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định pháp luật gửi bản chính, bản sao y, bản sao lục và bản trích sao được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, văn bản thông tin về thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, mất phiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro khác đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng trực để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh thông tin cảnh báo rủi ro khi tiếp nhận:

a) Thông báo thụ lý của Tòa án hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền khác về thụ lý tranh chấp đất đai, tranh chấp quyền sở hữu tài sản là đối tượng của giao dịch cần cảnh báo;

b) Biên nhận nộp hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất bị mất hay hư hỏng;

c) Giấy tờ chứng minh cá nhân tham gia giao dịch chết (đối với giao dịch ủy quyền), mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, tổ chức tham gia giao dịch chấm dứt hoạt động;

d) Trường hợp cần cảnh báo rủi ro khác do Sở Tư pháp hướng dẫn.

5. Tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực gửi bản chính văn bản thông tin về trường hợp phát hiện có dấu hiệu giả mạo người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch, giả mạo văn bản công chứng, chứng thực hoặc sót thừa kế khi thực hiện phân chia di sản thừa kế tại tổ chức mình đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng để cập nhật thông tin cảnh báo rủi ro vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng bảo đảm an ninh, an toàn khi cập nhập thông tin.

Điều 6. Cập nhập thông tin về giao dịch được công chứng, chứng thực và hồ sơ, văn bản công chứng

1. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh phải cập nhập đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục thông tin về giao dịch và đưa đủ hồ sơ, văn bản công chứng của giao dịch do tổ chức mình công chứng vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực phải cập nhật đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục thông tin về giao dịch do mình chứng thực vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực bảo đảm an ninh, an toàn khi cập nhập thông tin, hồ sơ, văn bản.

Điều 7. Chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực

1. Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thông qua mạng MetroNET của Thành phố, về cơ sở dữ liệu công chứng tập trung do Bộ Tư pháp xây dựng và về cơ sở dữ liệu khác theo quy định pháp luật.

2. Việc chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý, kết nối và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu dùng chung.

3. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng cung cấp thông tin về ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

4. Tổ chức, cá nhân cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh không được cung cấp thông tin về giao dịch có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực, trừ trường hợp phục vụ cho yêu cầu công chứng, chứng thực mà mình đang thực hiện, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước hoặc theo quy định pháp luật.

Điều 8. Chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực

1. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công

chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh, không phải đóng chi phí khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực không phải đóng chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, chi phí khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng, doanh nghiệp xây dựng, vận hành phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh thu chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng thu chi phí khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này hoặc phục vụ yêu cầu theo thẩm quyền của cơ quan nhà nước).

Việc nộp, quản lý, sử dụng chi phí thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Sở Tư pháp quyết định phương án thu của Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng.

Điều 9. Quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh

1. Sở Tư pháp quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện các nội dung sau đây:

a) Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng, vận hành phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quản lý, quản trị dữ liệu, người dùng và phần mềm;

b) Cấp và khóa tài khoản sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực;

c) Xem xét, quyết định việc nhắc nhở, cảnh cáo, tạm khóa có thời hạn hoặc khóa vĩnh viễn tài khoản sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với cá nhân, tổ chức vi phạm Quy chế này hoặc quy định pháp luật có liên quan;

d) Hướng dẫn công chứng viên, nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh;

đ) Sao lưu dữ liệu, chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thông qua mạng MetroNET của Thành phố, về cơ sở dữ liệu công chứng tập trung do Bộ Tư pháp xây dựng và về cơ sở dữ liệu khác theo quy định pháp luật;

e) Hướng dẫn việc cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực và đảm bảo Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh được cập nhật đủ, chính xác với hồ sơ gốc.

2. Cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn nội dung cần có khi cung cấp thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro và cách thức gửi văn bản. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc gửi văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro.

3. Xây dựng, nâng cấp phần mềm có liên quan để đáp ứng yêu cầu hoạt động công chứng, chứng thực và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trung Tâm Thông tin và Tư vấn công chứng Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Giúp Sở Tư pháp thực hiện nội dung quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Tham mưu Sở Tư pháp quyết định nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Sở Tư pháp

1. Quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Quy chế này.

2. Phổ biến, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy chế này.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Thuế Thành phố và các Sở, ngành khác có liên quan tăng cường hiệu quả sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, tích hợp thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực vào ứng dụng Công dân số của Thành phố, sử dụng văn bản công chứng điện tử có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thay thế văn bản công chứng giấy khi thực hiện thủ tục, liên thông thủ tục có

sử dụng văn bản công chứng, để phục vụ nhu cầu của nhân dân, cải cách hành chính.

4. Theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy chế này để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố; trình Ủy ban nhân dân Thành phố việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi cần thiết.

Điều 11. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố

1. Đảm bảo về kỹ thuật để tiếp nhận Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố và chia sẻ với các sở, ngành khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu dùng chung.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Khoa học và công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế Thành phố và các Sở, ngành khác của Thành phố tăng cường hiệu quả sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, tích hợp thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực vào ứng dụng Công dân số của Thành phố, sử dụng văn bản công chứng điện tử có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thay thế văn bản công chứng giấy khi thực hiện thủ tục, liên thông thủ tục có sử dụng văn bản công chứng để phục vụ nhu cầu của nhân dân, cải cách hành chính.

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tăng cường hiệu quả sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố được kết nối, chia sẻ. Sử dụng văn bản công chứng điện tử thay văn bản công chứng giấy khi thực hiện thủ tục.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Thuế Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các Sở, ngành khác tăng cường hiệu quả sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, liên thông thủ tục công chứng - đăng ký đất đai - thuế để phục vụ nhu cầu của nhân dân, cải cách hành chính.

Điều 13. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm chuyển đổi số Thành phố, Thuế Thành phố và Sở, ngành khác tăng cường hiệu quả sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, tích hợp thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực vào ứng dụng Công dân số của Thành phố, sử dụng văn bản công chứng điện tử có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thay thế văn bản công chứng giấy khi thực hiện thủ tục, liên thông thủ tục có sử dụng văn bản công chứng để phục vụ nhu cầu của nhân dân, cải cách hành chính.

Điều 14. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để liên thông thủ tục sử dụng văn bản công chứng điện tử có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Điều 15. Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các Sở, ngành khác tăng cường hiệu quả sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, liên thông thủ tục công chứng - đăng ký đất đai - thuế để phục vụ nhu cầu của nhân dân, cải cách hành chính.

Điều 16. Hội Công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh

Yêu cầu, vận động công chứng viên là hội viên của mình thực hiện nghiêm túc Quy chế này, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh; có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm, làm ảnh hưởng đến hoạt động công chứng, chứng thực, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, an toàn pháp lý của giao dịch.

Điều 17. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh

1. Thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
2. Báo cáo khó khăn vướng mắc, đề xuất hoàn thiện Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực và Quy chế này về Sở Tư pháp.

Điều 18. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực giao dịch

1. Thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
2. Báo cáo khó khăn vướng mắc, đề xuất hoàn thiện Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực và Quy chế này về Sở Tư pháp.

Điều 19. Tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro theo quy định pháp luật

Phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến, triển khai thực hiện Quy chế này và cung cấp thông tin liên quan đến việc ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro kịp thời, chính xác, đầy đủ.

Điều 20. Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến, triển khai thực hiện Quy chế này; đề xuất với Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố việc chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong

Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố để phục vụ nhu cầu của Nhân dân, cải cách hành chính.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị nhắc nhở, cảnh cáo, khóa tài khoản sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh; xử phạt vi phạm hành chính hoặc hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật ./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Đính kèm Tờ trình số/TTr-STP ngày ... tháng ... năm 2026 của Sở Tư pháp)

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế: không (Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp nhập về ban hành Quy chế cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh không phải là văn bản quy phạm pháp luật).
2. Đối với văn bản ban hành mới (không thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước):

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Phần: Quyết định	
Biểu mẫu Quyết định, tiêu đề	Mẫu số 20 Phụ lục III đính kèm Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ: mẫu Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...).
Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản	Phụ lục I đính kèm Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
Phần căn cứ ban hành gồm các quy định sau: Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15; Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;	Đã phân tích tại mục I Tờ trình về sự cần thiết ban hành.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2026/QH16; Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP; Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị; Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Căn cứ Nghị định số 331/2026/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số/TTr-STP ngày ... tháng ... năm 2026;	
Điều 1. Ban hành Quy chế	Tên Quyết định đặt theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Công chứng 2024:

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.	<i>“3 ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương; ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của địa phương”.</i> Nội dung này tiếp tục được thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng) - Điểm d Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP: <i>“Điều 43. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực</i> <i>d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi địa phương, đáp ứng yêu cầu <u>cung cấp và trao đổi thông tin</u>”.</i> - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế <u>quản lý, kết nối và chia sẻ</u> dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh.
Điều 2. Hiệu lực thi hành Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2027.	Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15: <i>“Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật</i> <i>1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng ...không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.</i> <i>...2. <u>Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết</u>”.</i> Tại Tờ trình, Sở Tư pháp đề xuất dự thảo có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, cùng thời điểm có hiệu lực của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	04/2026/QH16. Trường hợp không kịp có hiệu lực cùng ngày thì việc có hiệu lực sau ngày 01 tháng 01 năm 2027 vẫn phù hợp quy định pháp luật.
Điều 3. Trách nhiệm thi hành Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, địa phương, Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Theo chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan đến quản lý nhà nước về công chứng và hoạt động công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
Thẩm quyền ký ban hành: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Đã phân tích tại mục I Tờ trình về sự cần thiết ban hành, thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi nhận: - Như Điều 3; - Thường trực Thành ủy; - Thường trực HĐND Thành phố; - Thường trực UBND TP; CT, các PCT; - Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp; - VP UB: CVP/PCVP; - Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố; - Hội Công chứng viên Thành phố; - Phòng KTVB - Sở Tư pháp; - Phòng NCPC.....; - Lưu: VT, ...	Gửi các cơ quan chuyên môn, phòng ban trực thuộc và các cơ quan cấp trên, cơ quan khác có liên quan.
Phần: Quy chế	
Biểu mẫu Quy định, tiêu đề	Mẫu số 20 Phụ lục III đính kèm Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ: mẫu Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...).

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản	Phụ lục I đính kèm Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Quy chế này quy định việc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác thông tin, văn bản, hồ sơ công chứng; thông tin chứng thực giao dịch; thông tin về biện pháp ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực) tại Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Đối tượng áp dụng: a) Tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh; b) Ủy ban nhân dân cấp xã chưa chuyển giao thẩm quyền chứng thực giao dịch sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực), người có thẩm quyền chứng thực giao dịch, công chức giúp việc chứng thực giao dịch (nếu có phân công). c) Tổ chức, cá nhân đề nghị ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro liên quan đến giao dịch thuộc thẩm quyền công chứng, chứng thực của tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực;	Theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15, Điều 4 Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP của Chính phủ, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Nghị định số 280/2025/NĐ-CP, Nghị định số 18/2026/NĐ-CP; Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
d) Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.	
Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Ngăn chặn</i> là việc tổ chức, chức danh có thẩm quyền, trong trường hợp pháp luật quy định, có văn bản ngừng hoặc hạn chế giao dịch liên quan đến tài sản, cá nhân, tổ chức. 2. <i>Giải tỏa ngăn chặn</i> là việc tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn có văn bản hủy bỏ, chấm dứt việc ngăn chặn của chính tổ chức, chức danh đó hoặc của tổ chức, chức danh có thẩm quyền khác trong trường hợp pháp luật có quy định. 3. <i>Bản chính văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn</i> là bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật hoặc thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật, có nội dung ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn. 4. <i>Cảnh báo rủi ro</i> là thông tin không phải là thông tin về biện pháp ngăn chặn, trong các trường hợp được nêu tại Quy chế này, do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp bằng văn bản, có ý nghĩa cảnh báo để công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch xem xét, xác minh trước khi thực hiện công chứng, chứng thực.	1. Về thẩm quyền yêu cầu ngừng hoặc hạn chế giao dịch: liệt kê tại Phụ lục kèm theo. 2. Về “<i>Cảnh báo rủi ro</i>”: Thuật ngữ này được quy định tại Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 (<i>Điều này được tiếp tục thực hiện theo Điều 4 Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP của Chính phủ</i>). Luật Công chứng số 46/2024/QH15 không giải thích từ ngữ đối với thuật ngữ này nhưng theo thể hiện tại Điều 66 Luật Công chứng số 46/2024/QH15 thì đây không phải là thông tin về “<i>biện pháp ngăn chặn</i>” vì được quy định tách biệt với “<i>biện pháp ngăn chặn</i>”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Đất đai 2024 quy định một trong các điều kiện để thực hiện quyền của người sử dụng đất là “<i>không có tranh chấp</i>”, điểm a khoản 1 Điều 160 Luật Nhà ở năm 2023 quy định một trong các điều kiện của nhà ở tham gia giao dịch là “<i>Không thuộc trường hợp đang có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện về quyền sở hữu</i>”, Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định một trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng là “<i>Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện</i>”... Đây là những thông tin Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực cần biết để xem xét, cân nhắc việc công chứng, chứng thực tránh công chứng, chứng thực không phù hợp quy định. Do đó dự thảo Quyết định quy định về giải thích từ ngữ đối với “<i>Cảnh báo rủi ro</i>” tại khoản 4 Điều 2 và liệt kê các trường hợp cụ thể được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực theo dạng “<i>Cảnh báo rủi ro</i>” tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Quyết định. 3. Về việc tiếp nhận văn bản điện tử - Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung quy định: + “Điều 10. Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc <i>Thông điệp dữ liệu được sử dụng và có giá trị như bản gốc khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:</i>

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
5. Phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh là phần mềm sử dụng tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực và Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực, có kết nối để chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định. 6. Nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh là nền tảng công chứng điện tử sử dụng tại tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, có kết nối để chuyển dữ liệu về Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực của Thành phố, Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định. 7. Tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn theo quy định pháp luật là Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Cơ quan thi hành án dân sự, Cơ quan thi hành án hình sự, Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, Người ra quyết định thanh tra, Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Hội đồng trọng tài thương mại, Thừa hành viên và tổ chức, chức danh khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật.	1. Thông tin trong thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn kể từ khi được khởi tạo lần đầu tiên dưới dạng một thông điệp dữ liệu hoàn chỉnh. Thông tin trong thông điệp dữ liệu được xem là toàn vẹn khi thông tin đó chưa bị thay đổi, trừ những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình gửi, lưu trữ hoặc hiển thị thông điệp dữ liệu; 2. Thông tin trong thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh”. + “Điều 12. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu 1. Thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây: a) Thông tin trong thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn như văn bản giấy; b) Thông tin trong thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu; c) Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi; d) Trường hợp văn bản giấy là giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hành thì việc chuyển đổi phải đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b và c khoản này và phải có chữ ký số của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu”. - Điều 5 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư quy định: “<u>Văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy</u>”. - Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: + “Điều 5. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
8. Chia sẻ Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực là việc các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố Hồ Chí Minh được kết nối, phân quyền khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý, kết nối và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu dùng chung. 9. Khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực là việc tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, nhân viên tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và công chức, viên chức Sở Tư pháp Thành phố tra cứu thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực để phục vụ cho việc công chứng, chứng thực, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định.	1. Văn bản điện tử được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy”. + “Điều 6. Nguyên tắc gửi, nhận văn bản điện tử ...2. Tất cả các văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước phải được gửi, nhận qua Hệ thống quản lý tài liệu điện tử, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018”. Từ các quy định trên, văn bản điện tử có giá trị như bản giấy và được tiếp nhận, giải quyết như bản giấy - Quy định về cảnh báo rủi ro, nền tảng công chứng điện tử thực hiện theo quy định Luật Công chứng số 46/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 04/2026/QH16. - Quy định về chia sẻ "Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực" phù hợp với khoản 5 Điều 5 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố "5. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định của pháp luật; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác."
Điều 3. Nguyên tắc cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực 1. Thông tin về giao dịch được công chứng phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục; hồ sơ, văn bản công chứng phải được đưa đủ, kịp thời vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Nội dung xây dựng trên cơ sở kế thừa Quyết định số 1198/QĐ-UBND, có bổ sung một số nội dung liên quan đến chứng thực giao dịch để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Quyết định. Hiện nay, Cơ sở dữ liệu công chứng tại Thành phố không chỉ phục vụ cho hoạt động công chứng mà đã được đưa vào Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, để chia sẻ, dùng chung với các cơ quan, ban ngành khác của Thành phố (hiện đã chia sẻ với Cơ sở dữ liệu địa chính để phục vụ cho nghiệp vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, đăng ký giao dịch bảo đảm...) nên việc cập nhật đủ về số lượng, đủ các trường mục, kịp thời và chính xác với hồ sơ gốc là rất quan trọng, vì nếu không như thế thì dữ liệu

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
2. Thông tin về giao dịch được chứng thực phải được cập nhật đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3. Việc chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. 4. Tổ chức, cá nhân cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực chỉ sử dụng dữ liệu để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước hoặc việc thực hiện công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật. 5. Việc khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực không thay thế trách nhiệm kiểm tra, xác minh, tra cứu các cơ sở dữ liệu khác của công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch. 6. Cá nhân, tổ chức yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn, hợp pháp và kịp thời đối với yêu cầu của mình và hệ quả xảy ra do yêu cầu của mình. 7. Thông tin về giao dịch, hồ sơ, văn bản công chứng, thông tin về giao dịch được chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả thông tin về tạo lập, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt, đơn phương chấm dứt, vô hiệu, sửa lỗi kỹ thuật phải trung thực, chính xác với hồ sơ công chứng, chứng thực gốc. 8. Thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành	sẽ không đầy đủ, không "sống" dẫn đến hiệu quả sử dụng không cao, thậm chí không sử dụng được dữ liệu (tương tự như vậy với dữ liệu chứng thực hợp đồng, giao dịch). Dữ liệu công chứng, chứng thực có liên quan đến thông tin của cá nhân, tổ chức nên việc chia sẻ, khai thác dữ liệu cần chặt chẽ, tránh trường hợp cung cấp thông tin cho cá nhân, tổ chức không có quyền tiếp cận. Nguyên tắc này cũng phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đối với với trách nhiệm của công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực khi khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực: Theo quy định của Luật Công chứng năm 2024 thì <i>"1. Công chứng là dịch vụ công do công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện để chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của giao dịch mà luật quy định phải công chứng, luật giao Chính phủ quy định phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng."</i> (tại khoản 1 Điều 2), <i>"4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc hành nghề công chứng."</i> (Khoản 4 Điều 5 Luật Công chứng 2024 về nguyên tắc hành nghề công chứng), <i>"4. Trong trường hợp có căn cứ cho rằng trong hồ sơ yêu cầu công chứng có vấn đề chưa rõ, việc tham gia giao dịch có dấu hiệu bị đe dọa, bị cưỡng ép, có sự nghi ngờ về năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng hoặc đối tượng của giao dịch chưa được mô tả cụ thể thì công chứng viên đề nghị người yêu cầu công chứng làm rõ hoặc công chứng viên tiến hành xác minh, yêu cầu giám định theo đề nghị của người yêu cầu công chứng; trường hợp người yêu cầu công chứng không làm rõ được và từ chối việc xác minh, yêu cầu giám định hoặc đã xác minh, giám định nhưng vẫn không làm rõ được thì công chứng viên từ chối công chứng."</i> (Khoản 4 Điều 42). Theo Điều 35 Nghị định 23/2015/NĐ-CP thì <i>"Người thực hiện chứng thực có quyền từ chối chứng thực hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội."</i> Như vậy, khi thực hiện công chứng, chứng thực, công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực có thể cần tra cứu nhiều cơ sở dữ liệu khác, hoặc cần xác minh, làm rõ các vấn đề chưa rõ, việc khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực (đặc biệt là thông tin cảnh báo rủi ro) không phải là căn cứ pháp lý để công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực từ chối công chứng, chứng thực. Do đó việc quy định trách nhiệm khi khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực là cần thiết và có căn cứ pháp lý.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
phố Chí Minh phải đúng với văn bản yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn. 9. Cá nhân, tổ chức được cấp tài khoản để cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp đối với Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.	
Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm 1. Truy cập vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh bằng tài khoản của người khác. 2. Để cho người khác sử dụng tài khoản của mình truy cập vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3. Truy cập vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện công việc không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình. 4. Sửa đổi, thay thế, xóa bỏ thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực sai với tài liệu gốc, thay đổi cấu trúc dữ liệu, thay đổi giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị hay hành vi khác trái thẩm quyền tác động đến hoạt động của phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. 5. Không cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ, kịp thời dữ liệu công chứng, chứng thực vào phần	Nội dung xây dựng trên cơ sở kế thừa Quyết định số 1198/QĐ-UBND, có bổ sung một số nội dung liên quan đến chứng thực giao dịch để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Quyết định. Đồng thời, đảm bảo phù hợp quy định tại: - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng: “Điều 55. Cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng 1. Việc thu thập, khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu công chứng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, quy định của Luật Công chứng và pháp luật khác có liên quan. 2. Quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu công chứng của Bộ Tư pháp hoặc của địa phương theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 66 của Luật Công chứng phải quy định rõ trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu và chi phí khai thác, sử dụng”. - Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh. - Quy định khác của pháp luật có liên quan về bảo mật thông tin về nội dung công chứng, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. 6. Tiết lộ trái pháp luật thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và thông tin khác mà mình biết được trong quá trình cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực. 7. Sử dụng thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực cho mục đích trái pháp luật hoặc mục đích khác với quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này. 8. Những hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định pháp luật.	
Điều 5. Gửi, cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và cảnh báo rủi ro 1. Tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn theo quy định pháp luật gửi bản chính văn bản ngăn chặn, cảnh báo rủi ro đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng trực thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Khi không còn yêu cầu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, tổ chức, chức danh đã gửi văn bản ngăn chặn, cảnh báo rủi ro theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi bản chính văn bản giải tỏa ngăn chặn, chấm dứt cảnh báo rủi ro đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Nội dung xây dựng trên cơ sở kế thừa Quyết định số 1198/QĐ-UBND, có bổ sung một số nội dung liên quan đến chứng thực giao dịch để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Quyết định. Sau sắp xếp và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, thu hồi đất... có thay đổi, cần điều chỉnh cho phù hợp quy định. Đối với cảnh báo rủi ro: pháp luật không quy định cụ thể trường hợp nào là “<i>rủi ro</i>” khi thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch, tuy nhiên khoản 1 Điều 45 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định một trong các điều kiện để thực hiện quyền của người sử dụng đất là “<i>không có tranh chấp</i>”, điểm a khoản 1 Điều 160 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 quy định một trong các điều kiện của nhà ở tham gia giao dịch là “<i>Không thuộc trường hợp đang có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện về quyền sở hữu</i>”, Điều 422 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 quy định một trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng là “<i>Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện</i>”... do đó, công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực cần có thông tin liên quan đến các trường hợp này để xem xét, cân nhắc việc công chứng, chứng thực, tránh công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch không phù hợp pháp luật.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, đăng ký đất đai, cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định pháp luật gửi bản chính, bản sao y, bản sao lục và bản trích sao được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, văn bản thông tin về thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, mất phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro khác đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng trực để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 4. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh thông tin cảnh báo rủi ro khi tiếp nhận: a) Thông báo thụ lý của Tòa án hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền khác về thụ lý tranh chấp đất đai, tranh chấp quyền sở hữu tài sản là đối tượng của giao dịch cần cảnh báo; b) Biên nhận nộp hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất bị mất hay hư hỏng; c) Giấy tờ chứng minh cá nhân tham gia giao dịch chết (đối với giao dịch ủy quyền), mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự, tổ chức tham gia giao dịch chấm dứt hoạt động;	

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
d) Trường hợp cần cảnh báo rủi ro khác do Sở Tư pháp hướng dẫn. 5. Tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực gửi bản chính văn bản thông tin về trường hợp phát hiện có dấu hiệu giả mạo người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch, giả mạo văn bản công chứng, chứng thực hoặc sót thừa kê khi thực hiện phân chia di sản thừa kế tại tổ chức mình đến Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng để cập nhật thông tin cảnh báo rủi ro vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 6. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng bảo đảm an ninh, an toàn khi cập nhập thông tin.	
Điều 6. Cập nhập thông tin về giao dịch được công chứng, chứng thực và hồ sơ, văn bản công chứng 1. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh phải cập nhập đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục thông tin về giao dịch và đưa đủ hồ sơ, văn bản công chứng của giao dịch do tổ chức mình công chứng vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực phải cập nhập đủ, chính xác, kịp thời, đầy đủ trường mục thông tin về giao dịch do mình chứng thực vào phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân cấp xã	Nội dung xây dựng trên cơ sở kế thừa Quyết định số 1198/QĐ-UBND, có bổ sung một số nội dung liên quan đến chứng thực giao dịch để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Quyết định. Nội dung này cụ thể hóa các nguyên tắc và hành vi cấm nêu tại Điều 3 và 4 Dự thảo.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
có thẩm quyền chứng thực bảo đảm an ninh, an toàn khi cập nhập thông tin, hồ sơ, văn bản.	
Điều 7. Chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực 1. Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thông qua mạng MetroNET của Thành phố, về cơ sở dữ liệu công chứng tập trung do Bộ Tư pháp xây dựng và về cơ sở dữ liệu khác theo quy định pháp luật. 2. Việc chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý, kết nối và chia sẻ sử dụng Cơ sở dữ liệu dùng chung. 3. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng cung cấp thông tin về ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. 4. Tổ chức, cá nhân cập nhật, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh không được cung cấp thông tin về giao dịch có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực, trừ trường hợp phục vụ cho yêu cầu công chứng, chứng thực mà mình đang thực hiện, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước hoặc theo quy định pháp luật.	Nội dung xây dựng trên cơ sở kế thừa Quyết định số 1198/QĐ-UBND, có bổ sung một số nội dung liên quan đến chứng thực giao dịch để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Quyết định. Ngoài ra, bổ sung quy định về việc chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh. Theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng số 04/2026/QH16 thì Bộ Tư pháp xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý nhà nước về công chứng của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hiện nay Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có, nên để không thu thập dữ liệu nhiều lần, đảm bảo dữ liệu có trong Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố và Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung của Bộ Tư pháp được cập nhật đủ, đề xuất mô hình dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Tư pháp thu thập một lần và chuyển đồng thời (theo thời gian thực) về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung do Bộ Tư pháp xây dựng. Đối với việc cung cấp thông tin ngăn chặn: nguồn để cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực đều từ các văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn hoặc cảnh báo rủi ro có tài liệu chứng minh (nêu cụ thể tại khoản 4 và 5 Điều 5 Dự thảo), các văn bản này không có độ mật. Theo Nghị định 109/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phục hồi, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì hành vi "<i>Công chứng đối với tài sản khi tài sản đó đã bị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác</i>" sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. Như vậy, pháp luật không cấm tiếp cận các thông tin về biện pháp ngăn chặn. Hơn nữa, để hạn chế các trường hợp gian dối, lừa đảo, tăng tính an toàn pháp lý cho người dân trước khi quyết định tham gia giao dịch, nhất là các giao dịch có giá trị lớn như giao dịch bất động sản, người có nhu cầu công chứng cũng cần được tiếp cận thông tin này.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 8. Chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực 1. Tổ chức hành nghề công chứng có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh, không phải đóng chi phí khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực không phải đóng chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, chi phí khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng, doanh nghiệp xây dựng, vận hành phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh thu chi phí sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng thu chi phí khai thác thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này hoặc phục vụ yêu cầu theo thẩm quyền của cơ quan nhà nước). Việc nộp, quản lý, sử dụng chi phí thực hiện theo quy định pháp luật.	Đảm bảo không phát sinh kinh phí cần đầu tư trên địa bàn cấp tỉnh. Hiện nay các tổ chức hành nghề công chứng tại Thành phố đang sử dụng các phần mềm Quản lý hồ sơ công chứng và Chương trình thông tin ngăn chặn và đóng chi phí duy trì tài khoản để sử dụng phần mềm đó. Chi phí này không thuộc danh mục phí, lệ phí, không phải là hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của Luật Giá. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, do công tác chứng thực là thực hiện nhiệm vụ chính trị theo quy định nên đề nghị không thu chi phí sử dụng phần mềm. Về chi phí khai thác thông tin: khi một tổ chức hành nghề công chứng cụ thể, một Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực sử dụng thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực để phục vụ cho hoạt động công chứng, chứng thực, thì một phần thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực là do tổ chức, Ủy ban nhân dân đó đưa vào nên trước mắt đề nghị không thu chi phí khai thác thông tin.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
4. Sở Tư pháp quyết định phương án thu của Trung tâm Thông tin và Tư vấn công chứng.	
Điều 9 Quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh 1. Sở Tư pháp quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện các nội dung sau đây: a) Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng, vận hành phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quản lý, quản trị dữ liệu, người dùng và phần mềm; b) Cấp và khóa tài khoản sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chứng thực; c) Xem xét, quyết định việc nhắc nhở, cảnh cáo, tạm khóa có thời hạn hoặc khóa vĩnh viễn tài khoản sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với cá nhân, tổ chức vi phạm Quy chế này hoặc quy định pháp luật có liên quan; d) Hướng dẫn công chứng viên, nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng, người có thẩm quyền chứng thực giao dịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng phần mềm nghiệp vụ công chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh;	Giao trách nhiệm quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo Cơ sở dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác với hồ sơ gốc và chuyển về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đ) Sao lưu dữ liệu, chuyển Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh về Cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố thông qua mạng MetroNET của Thành phố, về cơ sở dữ liệu công chứng tập trung do Bộ Tư pháp xây dựng và về cơ sở dữ liệu khác theo quy định pháp luật; e) Hướng dẫn việc cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực và đảm bảo Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh được cập nhật đủ, chính xác với hồ sơ gốc. 2. Cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hướng dẫn tổ chức, chức danh có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn nội dung cần có khi cung cấp thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro và cách thức gửi văn bản. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc gửi văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro. 3. Xây dựng, nâng cấp phần mềm có liên quan để đáp ứng yêu cầu hoạt động công chứng, chứng thực và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh. 4. Trung Tâm Thông tin và Tư vấn công chứng Thành phố Hồ Chí Minh: a) Giúp Sở Tư pháp thực hiện nội dung quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này; b) Tham mưu Sở Tư pháp quyết định nội dung quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này.	

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 10 đến Điều 20. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị	
Điều 21. Xử lý vi phạm Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị nhắc nhở, cảnh cáo, khóa tài khoản sử dụng phần mềm nghiệp vụ ông chứng, chứng thực, nền tảng công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh; xử phạt vi phạm hành chính hoặc hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật./..	Đảm bảo phù hợp các quy định pháp luật có liên quan.